

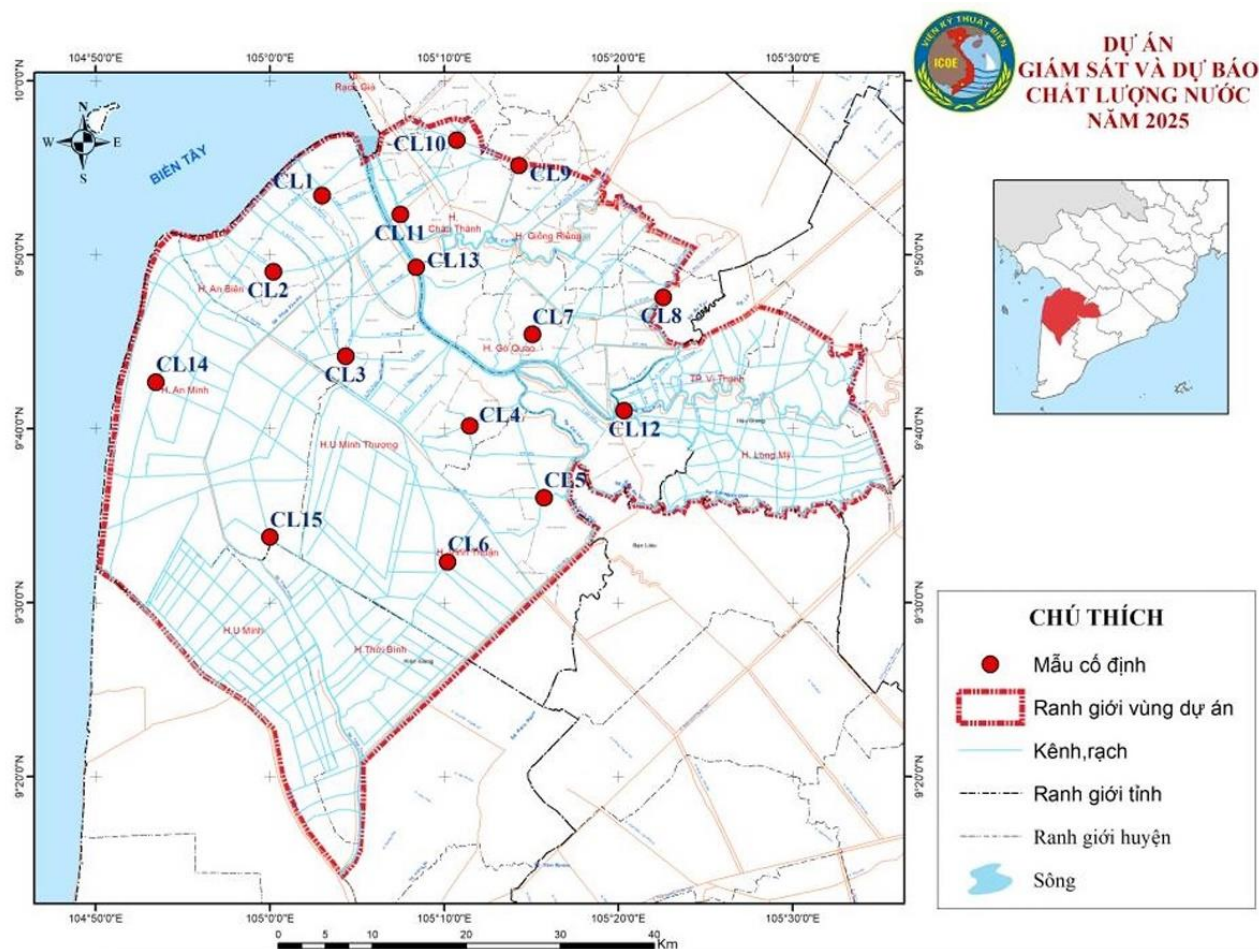
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 6 năm 2025

BẢN TIN TUẦN KỲ 13

“Đợt đo ngày 27/05/2025, dự báo từ ngày 04/06/2025 đến 10/06/2025”

1. Kết quả giám sát chất lượng nước ngày 27 tháng 05 năm 2025

Nhiệm vụ quan trắc tại 15 vị trí phục vụ giám sát, dự báo chất lượng nước được trình bày trong Hình 1, và kết quả đo đạc được thể hiện trong Bảng 1.



Hình 1. Sơ đồ vị trí các điểm giám sát chất lượng nước năm 2025

Bảng 1. Kết quả đo đạc và phân tích các chỉ tiêu chất lượng nước tại 15 vị trí lấy mẫu đợt đo ngày 27/05/2025

TT	Vị trí thu mẫu (Kí hiệu)	pH	Độ Mặn	TSS	DO	BOD ₅	COD	T-P	T-N	Coliform	Chỉ số WQI	Khuyến cáo
	Đơn vị	-	‰	mg/l	mgO ₂ /l		mg/l			MPN/100ml	-	-
	QCVN08- MT:2023/BTNMT (Bảng 2; Mức B)	6,0 ÷ 8,5	-	≤ 100	≥ 5	≤ 6	≤ 15	≤ 0,3	≤ 1,5	≤ 5.000	-	-
1	CL1 Điểm lấy mẫu trên kênh Xẻo Già, thuộc xã Tân Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang	7,17	7,40	92,1	6,84	13,4	24,8	0,23	2,50	4700	73	- So với đợt lấy mẫu ngày 12/05/2025, chất lượng nước tại CL1 có xu hướng suy giảm. Các chỉ tiêu BOD ₅ , COD, và T-N tiếp tục vượt ngưỡng Mức B. BOD ₅ , COD, T-N, TSS, T-P, và Coliform đều tăng cao so với kỳ trước. DO tăng mạnh và đạt Mức B. - WQI giảm từ mức Tốt (80) xuống Trung bình (73).
2	CL2 Điểm lấy mẫu trên kênh Thứ 6 (tại vị trí cầu Nam Thái), thuộc xã Nam Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang	7,48	10,50	126,5	4,14	15,3	28,4	0,21	2,60	5400	58	- So với đợt lấy mẫu ngày 12/05/2025, chất lượng nước tại CL2 có xu hướng suy giảm. Các chỉ tiêu TSS, DO, BOD ₅ , COD, T-N, Coliform vượt ngưỡng Mức B. TSS, BOD ₅ , COD, T-N, Coliform đều tăng. DO giảm mạnh và dưới ngưỡng Mức B. T-P giảm và đạt Mức B. - WQI giảm từ 73 xuống 58 (mức Trung bình).
3	CL3 Điểm lấy mẫu trên kênh Số 1, thuộc xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang	7,25	6,60	46,8	5,96	22,4	38,5	0,14	6,52	7000	52	- So với ngày 12/05/2025, chất lượng nước tại CL3 có xu hướng suy giảm. Các chỉ tiêu BOD ₅ , COD, T-N, Coliform vượt ngưỡng Mức B. BOD ₅ , COD, T-N, Coliform và TSS đều tăng mạnh so với kỳ trước. DO tăng nhẹ và đạt Mức B. T-P giảm và đạt Mức B. - WQI giảm từ 71 xuống 52 (mức Trung bình).
4	CL4	7,35	7,50	52,2	4,98	19,5	34,2	0,18	5,97	8400	47	- So với ngày 12/05/2025, chất lượng nước

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Cái Lớn – Cái Bé, phục vụ lấy nước cho sản xuất nông nghiệp.

TT	Vị trí thu mẫu (Kí hiệu)	pH	Độ Mặn	TSS	DO	BOD ₅	COD	T-P	T-N	Coliform	Chỉ số WQI	Khuyến cáo
	Đơn vị	-	‰	mg/l	mgO ₂ /l		mg/l			MPN/100ml	-	-
	QCVN08- MT:2023/BTNMT (Bảng 2; Mức B)	6,0 ÷ 8,5	-	≤ 100	≥ 5	≤ 6	≤ 15	≤ 0,3	≤ 1,5	≤ 5.000	-	-
	Điểm lấy mẫu trên kênh Ngang (kênh Sáu Sanh), thuộc xã Vĩnh Hòa, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang											tại CL4 suy giảm đáng kể. Các chỉ tiêu DO, BOD ₅ , COD, T-N, Coliform vượt ngưỡng Mức B. BOD ₅ và COD tiếp tục vượt ngưỡng, có xu hướng tăng nhẹ. T-N và Coliform tăng mạnh và vượt ngưỡng. DO giảm và dưới ngưỡng Mức B. - WQI giảm mạnh từ 69 (mức Trung bình) xuống 47 (mức Kém).
5	CL5 Điểm lấy mẫu trên kênh Làng Thứ 7 (kênh Lộ Se), thuộc xã Vĩnh Bình Nam, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang	7,35	10,70	68,4	3,75	18,4	32,7	0,21	5,12	6200	51	- So với ngày 12/05/2025, chất lượng nước tại CL5 suy giảm đáng kể. Các chỉ tiêu DO, BOD ₅ , COD, T-N, Coliform vượt ngưỡng Mức B. TSS, BOD ₅ , COD, T-N, Coliform, T-P đều tăng so với kỳ trước. DO giảm mạnh và dưới ngưỡng Mức B. - WQI giảm mạnh từ 73 xuống 51 (mức Trung bình).
6	CL6 Điểm lấy mẫu trên kênh 8000 giao với Lộ Kênh 2, thuộc xã Tân Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang	7,20	19,50	121,5	3,97	16,2	30,9	0,33	3,62	7000	51	- So với ngày 12/05/2025, chất lượng nước tại CL6 có xu hướng suy giảm. Các chỉ tiêu TSS, DO, BOD ₅ , COD, T-P, T-N, Coliform vượt ngưỡng Mức B. BOD ₅ , COD, T-N tiếp tục vượt ngưỡng. T-P, Coliform, TSS đều tăng mạnh và vượt ngưỡng Mức B. DO giảm mạnh và dưới ngưỡng Mức B. - WQI giảm từ 67 xuống 51 (mức Trung bình).
7	CL7 Điểm lấy mẫu trên kênh KH5, thuộc xã Định Hòa, huyện Gò	7,03	0,10	146,2	5,11	19,7	34,7	0,18	5,10	9500	42	- So với ngày 12/05/2025, chất lượng nước tại CL7 suy giảm đáng kể. Các chỉ tiêu TSS, BOD ₅ , COD, T-N, Coliform vượt ngưỡng Mức B. BOD ₅ , COD, T-N tiếp tục vượt ngưỡng, có xu hướng tăng mạnh. TSS

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Cái Lớn – Cái Bé, phục vụ lấy nước cho sản xuất nông nghiệp.

TT	Vị trí thu mẫu (Kí hiệu)	pH	Độ Mặn	TSS	DO	BOD ₅	COD	T-P	T-N	Coliform	Chỉ số WQI	Khuyến cáo
	Đơn vị	-	‰	mg/l	mgO ₂ /l		mg/l			MPN/100ml	-	-
	QCVN08- MT:2023/BTNMT (Bảng 2; Mức B)	6,0 ÷ 8,5	-	≤ 100	≥ 5	≤ 6	≤ 15	≤ 0,3	≤ 1,5	≤ 5.000	-	-
	Quao, tỉnh Kiên Giang											và Coliform tăng mạnh và vượt ngưỡng Mức B. DO tăng nhẹ và đạt Mức B. - WQI giảm mạnh từ 71 (mức Trung bình) xuống 42 (mức Kém).
8	CL8 Điểm lấy mẫu tại nơi giao nhau giữa sông Cái Bé với kênh Ô Môn (sông Ba Hộ), thuộc xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang	7,89	0,10	70,4	4,33	14,2	26,4	0,19	2,01	3100	66	- So với ngày 12/05/2025, chất lượng nước tại CL8 có xu hướng suy giảm. Các chỉ tiêu DO, BOD ₅ , COD, T-N vượt ngưỡng Mức B. BOD ₅ , COD tiếp tục vượt ngưỡng, BOD ₅ , COD, TSS, T-P, Coliform đều tăng so với kỳ trước. T-N giảm đáng kể nhưng vẫn vượt ngưỡng Mức B. DO giảm mạnh và dưới ngưỡng Mức B. - WQI giảm mạnh từ 77 (mức Tốt) xuống 66 (mức Trung bình).
9	CL9 Điểm lấy mẫu trên kênh Chung Bâu, thuộc xã Bàn Tân Định, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang	6,88	0,00	75,2	3,98	17,3	31,5	0,22	3,56	3800	59	- So với ngày 12/05/2025, chất lượng nước tại CL9 có xu hướng suy giảm. Các chỉ tiêu DO, BOD ₅ , COD, T-N vượt ngưỡng Mức B. BOD ₅ , COD, T-N tiếp tục vượt ngưỡng. TSS, BOD ₅ , COD, T-P đều tăng so với kỳ trước. DO giảm mạnh và dưới ngưỡng Mức B. T-N giảm nhẹ và Coliform giảm nhẹ, cả hai đều đạt Mức B. - WQI giảm từ 68 xuống 59 (mức Trung bình).
10	CL10 Điểm lấy mẫu trên kênh xáng Giồng Riềng, thuộc xã Giục Tượng, huyện Châu Thành,	7,37	0,10	80,4	5,33	19,5	35,4	0,25	5,24	6400	54	- So với ngày 12/05/2025, chất lượng nước tại CL10 có xu hướng suy giảm. Các chỉ tiêu BOD ₅ , COD, T-N, Coliform vượt ngưỡng Mức B. BOD ₅ , COD, T-N, Coliform tiếp tục vượt ngưỡng và đều tăng mạnh. TSS tăng mạnh. DO tăng nhẹ và đạt

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Cái Lớn – Cái Bé, phục vụ lấy nước cho sản xuất nông nghiệp.

TT	Vị trí thu mẫu (Kí hiệu)	pH	Độ Mặn	TSS	DO	BOD ₅	COD	T-P	T-N	Coliform	Chỉ số WQI	Khuyến cáo
	Đơn vị	-	‰	mg/l	mgO ₂ /l		mg/l			MPN/100ml	-	-
	QCVN08- MT:2023/BTNMT (Bảng 2; Mức B)	6,0 ÷ 8,5	-	≤ 100	≥ 5	≤ 6	≤ 15	≤ 0,3	≤ 1,5	≤ 5.000	-	-
	Kiên Giang											Mức B. T-P giảm và đạt Mức B. - WQI giảm từ 65 xuống 54 (mức Trung bình).
11	CL11 Điểm lấy mẫu trên sông Cái Bé (tại bến phà Tắc Cậy), thuộc xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.	7,06	0,00	96,9	4,08	28,5	48,4	0,56	8,62	7900	38	- So với ngày 12/05/2025, chất lượng nước tại CL11 tiếp tục suy giảm. Tất cả các chỉ tiêu DO, BOD ₅ , COD, T-P, T-N, Coliform vượt ngưỡng Mức B. Tất cả các chỉ tiêu BOD ₅ , COD, T-P, T-N, Coliform đều tăng mạnh và vượt ngưỡng Mức B. DO tiếp tục dưới ngưỡng Mức B, giảm nhẹ. TSS tăng mạnh. - WQI giảm từ 49 xuống 38 (mức Kém).
12	CL12 Điểm lấy mẫu trên sông Nước Đục (tại bến phà Hòa Tiến), thuộc Xã Hòa Tiến, Tp. Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang	6,80	0,10	40,1	3,49	10,5	20,8	0,22	1,24	2100	70	- So với ngày 12/05/2025, chất lượng nước tại CL12 có xu hướng suy giảm. Các chỉ tiêu DO, BOD ₅ , COD vượt ngưỡng Mức B. BOD ₅ , COD tiếp tục vượt ngưỡng, có xu hướng tăng. DO giảm mạnh và dưới ngưỡng Mức B. TSS, T-P, T-N, Coliform vẫn đạt Mức B. - WQI giảm từ 77 (mức Tốt) xuống 70 (mức Trung bình).
13	CL13 Điểm lấy mẫu trên sông Cái Lớn giao với kênh Năm Ngàn, thuộc xã Hưng Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang	6,85	4,50	32,8	4,03	10,7	21,7	0,25	1,34	1700	71	- So với ngày 12/05/2025, chất lượng nước tại CL13 có sự cải thiện đáng kể. Các chỉ tiêu DO, BOD ₅ , COD vượt ngưỡng Mức B. BOD ₅ , COD tiếp tục vượt ngưỡng Mức B nhưng đã giảm mạnh. DO giảm và dưới ngưỡng Mức B. T-P, T-N, Coliform giảm mạnh và đạt Mức B. - WQI tăng mạnh từ 55 lên 71 (mức Trung

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Cái Lớn – Cái Bé, phục vụ lấy nước cho sản xuất nông nghiệp.

TT	Vị trí thu mẫu (Kí hiệu)	pH	Độ Mặn	TSS	DO	BOD ₅	COD	T-P	T-N	Coliform	Chỉ số WQI	Khuyến cáo
	Đơn vị	-	‰	mg/l		mgO ₂ /l		mg/l		MPN/100ml	-	-
	QCVN08- MT:2023/BTNMT (Bảng 2; Mức B)	6,0 ÷ 8,5	-	≤ 100	≥ 5	≤ 6	≤ 15	≤ 0,3	≤ 1,5	≤ 5.000	-	-
												bình).
14	CL14 Điểm lấy mẫu trên kênh Xẻo Nhàu giao với kênh Chông Mỹ, xã Tân Thạnh, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang	7,54	17,80	96,4	4,42	11,9	23,2	0,38	1,14	3200	69	- So với ngày 12/05/2025, chất lượng nước tại CL14 có xu hướng suy giảm. Các chỉ tiêu DO, BOD ₅ , COD, T-P vượt ngưỡng Mức B. BOD ₅ , COD tiếp tục vượt ngưỡng và đều tăng. T-P tăng và vượt ngưỡng Mức B. DO giảm mạnh và dưới ngưỡng Mức B. T-N và Coliform vẫn đạt Mức B. - WQI giảm từ 75 xuống 69 (mức Trung bình).
15	CL15 Điểm lấy mẫu trên kênh Cùg giao với kênh KT1, xã Đông Hưng, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang	7,38	20,70	78,6	4,05	18,6	34,4	0,47	3,62	8100	46	- So với ngày 12/05/2025, chất lượng nước tại CL15 suy giảm đáng kể. Các chỉ tiêu DO, BOD ₅ , COD, T-P, T-N, Coliform vượt ngưỡng Mức B. BOD ₅ , COD tiếp tục vượt ngưỡng và tăng mạnh. T-P, T-N, Coliform, TSS đều tăng mạnh và vượt ngưỡng Mức B. DO giảm mạnh và dưới ngưỡng Mức B. - WQI giảm mạnh từ 76 (mức Tốt) xuống 46 (mức Kém).

[Ghi chú: các giá trị in đậm của chỉ số thể hiện vượt ngưỡng mức B theo QCVN 08MT:2023]

Bảng 2. *Bảng đánh giá chất lượng nước theo giá trị WQI*

Loại	Giá trị WQI	Chất lượng nước	Mức đánh giá chất lượng nước	Thang màu
I	91 – 100	Rất tốt	Sử dụng tốt cho mục đích cấp nước sinh hoạt	
II	76 – 90	Tốt	Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp	
III	51 - 75	Trung bình	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác	
IV	26 - 50	Kém	Sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác	
V	10 – 25	Ô nhiễm nặng	Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai	
VI	<10	Ô nhiễm rất nặng	Nước nhiễm độc, cần có biện pháp khắc phục, xử lý	

2. Dự báo chất lượng nước ngày 04/06/2025 đến 10/06/2025

Kết quả dự báo 4 chỉ tiêu chính bao gồm: Độ mặn, DO, BOD₅, T-N từ ngày 04/06/2025 đến 10/06/2025 được thể hiện trong các bảng từ Bảng 3 đến Bảng 6 như sau:

2.1. Độ mặn

Độ mặn dự báo từ ngày 04/06/2025 đến 10/06/2025 cho thấy sự phân hóa rõ rệt trong hệ thống theo vị trí giám sát. Giá trị độ mặn dự báo dao động từ 0,02‰ (Min tại CL9) đến 23,62‰ (Max tại CL15). Các vị trí như CL7, CL8, CL9, CL10, CL11, CL12 có độ mặn dự báo Min và Max đều dưới 1‰, cho thấy nước có xu hướng ngọt hoặc lợ nhẹ tại các điểm này trong giai đoạn dự báo. Các vị trí CL1, CL2, CL3, CL4, CL5, CL6, CL13, CL14, CL15 có độ mặn dự báo vượt 4‰. Đặc biệt, CL5, CL6, CL14, CL15 có độ mặn dự báo rất cao. Độ mặn dự báo cao nhất ghi nhận tại CL15 (Max 23,62‰) và CL6 (Max 18,89‰). Cần chú ý pha loãng nước để giảm độ mặn phù hợp với thời đoạn sinh trưởng của các loài vật nuôi.

Bảng 3. Giá trị dự báo độ mặn tại các điểm giám sát từ ngày 04/06/2025 đến 10/06/2025

Kí hiệu	Độ mặn dự báo (‰)								
	04/06	05/06	06/06	07/06	08/06	09/06	10/06	Min	Max
CL1	8,69	8,18	7,67	7,18	6,77	6,49	6,34	6,34	8,69
CL2	9,51	9,14	8,77	8,63	8,63	8,70	8,85	8,63	9,51
CL3	8,92	8,64	8,46	8,38	8,32	8,16	7,88	7,88	8,92
CL4	7,93	7,98	7,85	7,45	6,84	5,54	5,95	5,54	7,98
CL5	10,31	10,77	10,96	11,14	11,17	11,19	11,53	10,31	11,53
CL6	18,72	18,77	18,82	18,85	18,85	18,88	18,89	18,72	18,89
CL7	0,14	0,12	0,13	0,03	0,06	0,13	0,12	0,03	0,14
CL8	0,06	0,05	0,15	0,18	0,12	0,06	0,07	0,05	0,18
CL9	0,04	0,21	0,09	0,15	0,02	0,15	0,11	0,02	0,21
CL10	0,11	0,04	0,16	0,07	0,05	0,20	0,11	0,04	0,20
CL11	0,19	0,03	0,03	0,13	0,19	0,15	0,16	0,03	0,19
CL12	0,17	0,06	0,08	0,16	0,11	0,03	0,19	0,03	0,19
CL13	3,79	3,85	4,00	4,18	4,33	4,42	4,54	3,79	4,54
CL14	16,12	16,16	15,72	15,10	14,60	14,08	13,97	13,97	16,16
CL15	20,22	21,96	22,13	22,67	23,31	23,62	23,25	20,22	23,62
Ranh mặn	< 1‰	1‰ ÷ 4‰		> 4‰					

2.2. Oxy hòa tan (DO)

Hàm lượng DO dự báo tại Hệ thống Công trình Thủy lợi CLCB từ ngày 04/06/2025 đến 10/06/2025 cho thấy: Nhiều vị trí có giá trị DO dự báo Min không đạt ngưỡng Mức B (10/15 vị trí giám sát). Kết quả dự báo cho thấy một số điểm có giá trị DO dự báo đạt hoặc cao hơn ngưỡng Mức B ($\geq 5,0$ mgO₂/l), bao gồm CL1 (Min 5,82 mgO₂/l), CL3 (Min 5,34 mgO₂/l), CL4 (Min 5,41 mgO₂/l), CL7 (Min 5,13 mgO₂/l), CL10 (Min 5,26 mgO₂/l).

Bảng 4. Giá trị dự báo DO tại các điểm giám sát từ ngày 04/06/2025 đến 10/06/2025

Kí hiệu	DO dự báo (mgO ₂ /l)								
	04/06	05/06	06/06	07/06	08/06	09/06	10/06	Min	Max
CL1	5,83	5,82	5,83	5,84	5,85	5,87	5,89	5,82	5,89
CL2	4,87	4,89	4,90	4,90	4,88	4,83	4,76	4,76	4,90
CL3	5,34	5,36	5,37	5,38	5,39	5,37	5,34	5,34	5,39
CL4	5,41	5,42	5,51	5,57	5,60	5,59	5,57	5,41	5,60
CL5	3,97	4,01	4,11	4,20	4,23	4,21	4,15	3,97	4,23
CL6	3,83	3,85	4,01	4,27	4,44	4,47	4,44	3,83	4,47
CL7	5,15	5,15	5,14	5,13	5,13	5,15	5,18	5,13	5,18
CL8	4,00	4,05	4,17	4,30	4,40	4,46	4,40	4,00	4,46
CL9	3,68	3,72	3,85	3,99	4,10	4,17	4,19	3,68	4,19
CL10	5,26	5,31	5,33	5,35	5,38	5,61	5,67	5,26	5,67
CL11	4,60	4,65	4,70	4,71	4,69	4,64	4,58	4,58	4,71
CL12	3,87	3,75	3,77	4,05	4,25	4,37	4,45	3,75	4,45
CL13	4,68	4,60	4,50	4,49	4,51	4,55	4,64	4,49	4,68
CL14	4,86	4,88	4,79	4,53	4,27	4,10	4,10	4,10	4,88
CL15	4,44	4,35	4,33	4,36	4,39	4,44	4,51	4,33	4,51
QCVN 08:2023 (Bảng 2)	Đạt Mức A: ≥ 6,0			Đạt Mức B: ≥ 5,0			Không đạt Mức B: < 5,0		
Khuyến cáo	Kết quả dự báo về chỉ tiêu DO từ ngày 04/06/2025 đến 10/06/2025 trong HTTL Cái Lớn – Cái Bé cho thấy có sự suy giảm đáng kể so với kỳ lấy mẫu ngày 12/05/2025 ở nhiều điểm, giá trị DO dự báo nằm dưới ngưỡng Mức B tại 10/15 vị trí giám sát; do đó cần chú ý đảm bảo lượng oxy hòa tan khi lấy nước phục vụ sản xuất (nuôi trồng thủy sản) tại các khu vực này.								

2.3. Nhu cầu Oxy sinh hóa (BOD₅)

So với quy chuẩn QCVN 08:2023 Mức B (≤ 6 mg/l), kết quả dự báo BOD₅ từ ngày 04/06/2025 đến 10/06/2025 cho thấy tình trạng ô nhiễm hữu cơ tiếp tục diễn ra và BOD₅ dự báo vượt ngưỡng Mức B tại tất cả các điểm giám sát. Giá trị BOD₅ dự báo dao động từ Min 9,59 mgO₂/l (tại CL14) đến Max 22,86 mgO₂/l (tại CL3). Tất cả các giá trị Min dự báo tại 15 điểm đều vượt ngưỡng Mức B (≤ 6 mgO₂/l). Các vị trí CL3, CL4, CL5, CL6, CL7, CL10, CL11, và CL15 được nhận định là duy trì mức BOD₅ dự báo cao, với giá trị Max vượt trên ngưỡng Mức B. Đặc biệt, CL3 có giá trị BOD₅ dự báo Max cao nhất (22,86 mgO₂/l).

Bảng 5. Giá trị dự báo BOD₅ tại các điểm giám sát từ ngày 04/06/2025 đến 10/06/2025

Kí hiệu	BOD ₅ (mgO ₂ /l)								
	04/06	05/06	06/06	07/06	08/06	09/06	10/06	Min	Max
CL1	13,96	13,47	13,33	13,25	13,28	13,41	13,67	13,25	13,96
CL2	15,74	15,15	14,30	13,43	12,71	11,67	11,51	11,51	15,74
CL3	22,86	22,73	21,38	20,45	19,68	19,38	19,43	19,38	22,86
CL4	17,99	15,47	17,41	19,12	19,97	21,91	21,45	15,47	21,91
CL5	17,01	16,35	15,65	15,29	15,26	15,43	15,72	15,26	17,01
CL6	17,55	17,53	16,60	15,63	15,02	14,72	14,65	14,65	17,55
CL7	19,80	19,79	19,36	20,09	19,95	19,17	18,05	18,05	20,09
CL8	14,85	14,82	14,71	14,51	14,30	14,22	14,18	14,18	14,85
CL9	14,56	14,55	14,10	14,27	14,90	15,34	15,09	14,10	15,34
CL10	14,50	14,94	15,86	16,89	17,36	17,17	16,70	14,50	17,36
CL11	17,47	17,14	17,14	17,44	17,88	18,33	18,65	17,14	18,65
CL12	10,18	10,13	10,16	10,33	10,59	11,01	11,26	10,13	11,26
CL13	10,59	10,52	10,33	10,39	10,42	10,45	10,44	10,33	10,59
CL14	9,83	9,84	9,88	9,81	9,68	9,60	9,59	9,59	9,88
CL15	16,01	16,57	17,24	17,23	16,56	15,74	15,09	15,09	17,24
QCVN 08:2023 (Bảng 2)	Đạt Mức A: ≤ 4			Đạt Mức B: ≤ 6			Không đạt Mức B: > 6		
Khuyến cáo	Kết quả dự báo từ ngày 04/06/2025 đến 10/06/2025 cho thấy giá trị BOD ₅ cao, tiếp tục vượt ngưỡng Mức B tại tất cả các vị trí. Do đó, cần thực hiện các biện pháp xử lý nước phù hợp trước khi sử dụng nguồn nước từ hệ thống cho mục đích sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản.								

2.4. Ni tơ Tổng (T-N)

So sánh với quy chuẩn QCVN 08:2023 Mức B ($\leq 1,5$ mg/l), nồng độ Nitơ Tổng dự báo từ ngày 04/06/2025 đến 10/06/2025 cho thấy tình trạng vượt ngưỡng Mức B tại hầu hết các vị trí giám sát (14/15 vị trí), duy nhất điểm CL12 đạt ngưỡng mức B. Giá trị Nitơ Tổng dự báo dao động từ Min 1,13 mg/l (tại CL12) đến Max 6,99 mg/l (tại CL11). Chỉ có vị trí CL12 có giá trị dự báo T-N Min và Max đều $\leq 1,5$ mg/l, đạt Mức B một cách nhất quán trong giai đoạn dự báo. Đặc biệt, các vị trí như CL3, CL4, CL5, CL7, CL10, CL11 có giá trị dự báo T-N ở mức cao. CL11 có giá trị Max dự báo cao nhất (6,99 mg/l).

Bảng 6. Giá trị dự báo T-N tại các điểm giám sát từ ngày 04/06/2025 đến 10/06/2025

Kí hiệu	T-N (mg/l)								
	04/06	05/06	06/06	07/06	08/06	09/06	10/06	Min	Max
CL1	2,14	2,28	2,34	2,34	2,31	2,26	2,19	2,14	2,34
CL2	1,99	2,26	2,38	2,35	2,26	2,14	1,99	1,99	2,38
CL3	5,54	5,27	5,10	5,12	4,92	4,67	4,47	4,47	5,54
CL4	5,04	5,24	5,17	5,14	5,20	5,12	4,95	4,95	5,24
CL5	4,43	4,36	4,35	4,29	4,17	4,07	3,98	3,98	4,43
CL6	3,88	3,81	3,72	3,59	3,47	3,37	3,27	3,27	3,88
CL7	5,59	5,45	4,88	4,62	4,74	4,85	4,85	4,62	5,59
CL8	2,62	2,49	2,35	2,34	2,40	2,39	2,34	2,34	2,62
CL9	3,88	3,73	3,62	3,51	3,41	3,31	3,20	3,20	3,88
CL10	5,41	5,17	5,03	5,00	4,89	4,75	4,58	4,58	5,41
CL11	6,99	6,82	6,93	6,99	6,94	6,88	6,21	6,21	6,99
CL12	1,13	1,16	1,20	1,25	1,28	1,33	1,45	1,13	1,45
CL13	1,86	1,66	1,67	1,62	1,90	1,89	1,67	1,62	1,90
CL14	1,74	1,99	2,26	2,38	2,34	2,25	2,10	1,74	2,38
CL15	3,36	3,27	3,18	3,10	3,04	2,99	2,95	2,95	3,36
QCVN 08:2023 (Bảng 2)	Đạt Mức A: ≤ 0,6			Đạt Mức B: ≤ 1,5			Không đạt Mức B: > 1,5		
Khuyến cáo	Kết quả dự báo từ ngày 04/06/2025 đến 10/06/2025 cho thấy chỉ tiêu T-N tiếp tục vượt ngưỡng Mức B tại hầu hết các vị trí (14/15). Tình trạng ô nhiễm dinh dưỡng (T-N) vẫn phổ biến tại hầu hết các vị trí giám sát. Do đó cần thực hiện các biện pháp xử lý nước phù hợp trước khi sử dụng nguồn nước từ hệ thống cho mục đích sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản.								

Khuyến nghị chung:

- Nhìn chung, kết quả đo đạc chất lượng nước ngày 27/05/2025 trên HTTL Cái Lớn – Cái Bé cho thấy xu hướng suy giảm chất lượng nước ở hầu hết các điểm quan trắc so với ngày 12/05/2025, thể hiện qua việc nhiều chỉ tiêu ô nhiễm tăng và nhiều điểm có chỉ số WQI giảm, thậm chí giảm mức đánh giá từ Tốt/Trung bình xuống Kém. Đặc biệt, các chỉ tiêu hữu cơ (BOD₅, COD), dinh dưỡng (T-P, T-N), TSS và Coliform có xu hướng tăng cao ở nhiều vị trí, đồng thời hàm lượng DO giảm ở hầu hết các điểm. Chỉ có điểm CL13 cho thấy sự cải thiện về các chỉ tiêu ô nhiễm và WQI.
- Kết quả dự báo từ ngày 04/06/2025 đến 10/06/2025: Đối với Độ mặn, dự báo cho thấy sự biến động lớn giữa các điểm, dao động từ 0,02‰ đến 23,62‰, từ mức rất thấp (ngọt) đến mức rất cao (mặn). Đối với Oxy hòa tan (DO), kết quả dự báo cho thấy tình hình suy giảm đáng kể so với kỳ lấy mẫu ngày 12/05/2025 ở nhiều điểm (10/15 vị trí giám sát), chỉ có một số điểm vẫn được dự báo có giá trị DO Min đạt ngưỡng Mức B, cụ thể là CL1, CL3, CL4, CL7, CL10. Do tình trạng nhiều chỉ tiêu ô nhiễm dự báo vượt giới hạn cho phép theo QCVN 08-MT:2023/BTNMT (Mức B), đặc biệt là BOD₅ (vượt ngưỡng tại tất cả các điểm) và T-N (vượt ngưỡng tại hầu hết các điểm), người dân và các đơn vị quản lý cần đặc biệt lưu ý và thực hiện các biện pháp xử lý nước phù hợp trước khi sử dụng nguồn nước từ hệ thống cho mục đích sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản.

Nơi nhận

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi (để b/c);
- Lãnh đạo Sở NN&MT, CTTL các tỉnh Kiên Giang và Hậu Giang, Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi miền Nam;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi (để b/c);
- Webgis Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi, Website Viện Kỹ thuật Biển (để b/c);
- Lưu TT TNB&ĐB


VIỆN TRƯỞNG
Phạm Văn Tùng